

# Hôn nhân xuyên biên giới ở các tỉnh miền núi Việt Nam hiện nay

Đặng Thị Hoa\*

Nguyễn Hà Đông\*\*

**Tóm tắt:** Bài viết lý giải hiện tượng hôn nhân xuyên biên giới dưới góc độ văn hóa tộc người và các yếu tố tác động của nó trong quản lý phát triển xã hội (nghiên cứu trường hợp vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc; Việt Nam - Lào). Hôn nhân xuyên biên giới là hiện tượng xảy ra khá phổ biến ở các vùng biên giới, nhất là ở các vùng biên giới có dân số đông, cư trú liền sát với đường biên giới. Văn hóa tộc người luôn được biểu hiện rõ nét và được bảo tồn qua các cuộc hôn nhân và các mối quan hệ gia đình thông qua hôn nhân mà ít bị ảnh hưởng bởi giới hạn của biên giới và quốc gia. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và phát triển hiện nay, hôn nhân xuyên biên giới đang đặt ra những vấn đề mới trong quản lý phát triển xã hội, nhất là ở vùng biên giới.

**Từ khóa:** Hôn nhân xuyên biên giới; văn hóa; phát triển xã hội; dân tộc.

## 1. Quan niệm hôn nhân xuyên biên giới

Hôn nhân xuyên biên giới là hiện tượng xã hội xảy ra ở những vùng lãnh thổ được phân định bởi các biên giới quốc gia, biên giới vùng hoặc lãnh thổ. Hiện tượng hôn nhân xuyên biên giới luôn xảy ra khi các cộng đồng dân cư có cùng chung lối sống, một nền văn hóa gốc và bị ảnh hưởng chung bởi những tác động trong quá trình phát triển. Nghiên cứu hôn nhân xuyên biên giới không thể không đề cập tới góc độ văn hóa, bởi lẽ văn hóa là cội nguồn của những mối quan hệ hôn nhân và gia đình. Ngược lại, tất cả các mối quan hệ hôn nhân, gia đình là những sắc thái cơ bản, đặc trưng trong văn hóa tộc người. Trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay, hôn nhân xuyên biên giới luôn bị tác động, ảnh hưởng bởi các yếu tố phát triển. Do vậy cần phải có cách nhìn tổng quan hơn trong nghiên cứu về hôn nhân xuyên biên giới.

Khái niệm hôn nhân xuyên biên giới

nhấn mạnh đến ranh giới về mặt địa lý, nhà nước, chủng tộc, tầng lớp, giới và văn hóa được thiết lập trong phạm vi của nước nhập cư. Những ranh giới này do nhà nước và các chủ thể xã hội khác tạo ra nhằm phân biệt giữa “nước này” và “các nước khác”<sup>(1)</sup>. Như vậy, khái niệm biên giới trong hôn nhân xuyên biên giới có thể là biên giới về mặt lãnh thổ địa lý nhưng cũng có thể là ranh giới về văn hóa, tầng lớp. Hôn nhân

(\*) Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.  
ĐT: 0913556796. Email: danghoavdth@yahoo.com.  
Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài: “Hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội ở các tỉnh miền núi nước ta hiện nay” mã số KX02 - 21 thuộc Chương trình “Nghiên cứu khoa học phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam đến năm 2020” KX02/11 - 15.

(\*\*) Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

ĐT: 0916422155. Email: nguyenhadong@gmail.com.

<sup>(1)</sup> Shan Yang & Melody Chia -Wen Lu (Eds.), *Asian Cross-border Marriage Migration*.

xuyên biên giới vừa là sự kết thúc vừa là sự khởi đầu - khởi đầu cho những kết thúc khác. Nói cách khác, vấn đề đặt ra với hình thức hôn nhân này là kết hôn để di cư hay di cư rồi kết hôn<sup>(2)</sup>. “Văn hóa vùng biên gần như đã vượt qua giới hạn của nhà nước, của biên giới về lãnh thổ, địa lý”. Văn hóa không chỉ kết nối con người và các thiết chế trong nội bộ một đất nước mà còn gắn kết với những đất nước khác<sup>(3)</sup>.

Dưới góc nhìn nhân học, các cuộc hôn nhân ở vùng biên giới được diễn ra là sự tất yếu bởi vùng văn hóa tộc người bao trùm lên vùng biên giới và theo đó, đường biên giới chỉ là sự chia cắt về mặt hành chính. Nền văn hóa tộc người được coi là nền tảng và là cơ sở vững chắc để hình thành các cuộc hôn nhân giữa các cộng đồng tộc người vùng biên giới. Khi mà nền văn hóa tộc người rất khó bị chia cắt bởi đường biên giới quốc gia thì các cuộc hôn nhân và các hoạt động thăm thân vẫn diễn ra thường xuyên trong đời sống sinh hoạt thường ngày. Do đó, hiện tượng phụ nữ Việt Nam kết hôn với đàn ông Trung Quốc hay các trường hợp kết hôn qua lại ở các vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào là khá phổ biến. Những trường hợp kết hôn này không chỉ là xuất phát từ nhu cầu về kinh tế, mà còn xuất phát từ sự lựa chọn mô hình bạn đời lý tưởng. Caroline Grillot cho rằng yếu tố kinh tế chưa đủ để giải thích hôn nhân xuyên biên giới. Ranh giới địa lý thường không mạnh bằng biên giới về xã hội và cách thức trong đó các cộng đồng người tương tác với nhau, cách thức họ đánh giá, xây dựng, thể hiện và định nghĩa chính họ trong sự phân biệt với những nhóm người khác, ảnh hưởng đến sự lựa chọn và tình trạng sống của họ ở những vùng xã hội đặc biệt như vùng biên. Trong trường hợp biên giới Việt Nam - Trung Quốc, yếu tố đói nghèo và nhân khẩu học

không đủ để giải thích tại sao phụ nữ Việt Nam kết hôn với đàn ông Trung Quốc. Những người sống dọc biên giới hai nước bị ảnh hưởng bởi những hình ảnh, biểu tượng và tin đồn về nhau<sup>(4)</sup>.

Theo một số nhà nhân học, ranh giới văn hóa địa phương luôn vượt qua các ranh giới lãnh thổ của nhà nước<sup>(5)</sup>. Hôn nhân giữa các nền văn hóa là thuật ngữ chỉ những cuộc hôn nhân giữa các nền văn hóa, các tộc người và hôn nhân trong cùng một nền văn hoá, tộc người ở hai quốc gia. Thuật ngữ này nhấn mạnh đến tính chất xuyên biên giới và đây chính là điều khác biệt của hình thức kết hôn này so với các hình thức kết hôn khác cũng phải vượt qua rào cản về không gian địa lý nhưng không phải là biên giới. Theo định nghĩa này, khái niệm hôn nhân xuyên biên giới có thể diễn ra giữa những người ở các nước có chung biên giới hoặc không chung biên giới<sup>(6)</sup>.

Trong nghiên cứu của Hastings Donan, văn hóa luôn vượt qua các giới hạn của nhà nước và biên giới về lãnh thổ. Sự toàn cầu hóa về văn hóa, sự hội nhập của kinh tế và chính trị quốc tế, và sự kết thúc của chiến tranh lạnh đã dẫn tới sự mở cửa biên giới và

<sup>(2)</sup> Williams Lucy (2010), *Global marriage: Cross-border marriage migration in Global context*, Basingstoke: Palgrave Macmillian.

<sup>(3)</sup> Hastings Donnan & Thomas Wilson (1999), *Borders: frontiers of identity, nation and state*, Oxford: Berg.

<sup>(4)</sup> Caroline Grillot (2012), “Cross-border marriages between Vietnamese Women and Chinese men: The intergration of otherness and the impact of popular representations”. In David Haines, Keiko Yamanaka & Shinji Yamashita (Eds.), *Wind over water: migration in an east Asian context* (pp. 125 - 137), New York: Berghahn Books.

<sup>(5)</sup> Matthew H Amster (2005), “Cross-Border Marriage in the Kelabit Highlands of Borneo”, *Anthropological Forum*, 15, 131 - 150.

<sup>(6)</sup> Williams Lucy (2010), *Global marriage: Cross-border marriage migration in Global context*, Basingstoke: Palgrave Macmillian.

nới lỏng sự kiểm soát của nhà nước vốn hạn chế sự di chuyển của con người, hàng hóa, vốn tư bản và ý tưởng. Biên giới đã không còn chức năng như nó vốn có hoặc ít nhất, không phải trên tất cả các mặt<sup>(7)</sup>. Nghiên cứu của Lenore Lyons & Michele Ford (2008) về hôn nhân xuyên biên giới diễn ra giữa đàn ông Singapore và phụ nữ Indonesia sống ở đảo Riau (thuộc Indonesia). Thực tế người phụ nữ ở đảo Riau không có giấy đăng ký kết hôn nhưng họ vẫn đang sống trên đảo nên họ không bị mất quyền công dân. Tuy nhiên, họ gần như không thể nhập quốc tịch Singapore theo chồng và những hoạt động của họ bị giới hạn trong biên giới Indonesia do những khó khăn trong chính sách nhập cư vào Singapore. Rõ ràng, biên giới về mặt lãnh thổ, chính trị không ngăn cản được các tương tác xã hội, sự trao đổi của các nhóm người sống ở vùng biên. Như vậy, văn hóa vùng biên gần như đã vượt qua giới hạn của nhà nước, của biên giới về lãnh thổ, địa lý. Văn hóa không chỉ kết nối con người và các thiết chế trong nội bộ một đất nước mà còn gắn kết với những đất nước khác<sup>(8)</sup>. Ở một góc nhìn khác, hôn nhân xuyên biên giới có thể diễn ra trong nội bộ cộng đồng và giữa các cộng đồng. Hôn nhân trong nội bộ cộng đồng diễn ra giữa những người đến từ một nền văn hóa gốc, một cộng đồng thân tộc gốc<sup>(9)</sup>. Hôn nhân liên cộng đồng diễn ra giữa những người đến từ những nền văn hóa khác nhau, các cộng đồng thân tộc khác nhau<sup>(10)</sup>. Người Việt Nam kết hôn cùng người Đài Loan, Trung Quốc là những ví dụ minh chứng cho hình thức hôn nhân này<sup>(11)</sup>.

Caroline Grillot cho rằng việc nhiều phụ nữ Việt Nam tìm được chồng người Trung Quốc đã khiến họ được giải phóng khỏi cuộc sống trước đây của họ. Họ đã phá vỡ các quy tắc của cộng đồng, các quan niệm truyền thống về quyền lực của người chồng

và sự phục tùng của người vợ. Bà thậm chí gọi đàn ông Trung Quốc là những người chồng hoàn hảo đối với phụ nữ Việt Nam sống ở biên giới vì họ có những đặc điểm văn hóa tương tự nhau nhưng có xu hướng cởi mở hơn do ảnh hưởng của quá trình hiện đại hóa ở Trung Quốc.

Hôn nhân là hiện tượng xã hội, văn hóa có vai trò quan trọng trong tái sản xuất dân cư và góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống, ổn định và phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc. Hôn nhân không chỉ là hình thái kết hợp giới tính mà còn là thể hiện các sắc thái văn hóa tộc người, luôn chịu ảnh hưởng bởi các nền văn hóa và thể chế xã hội; có mối quan hệ mật thiết và chịu tác động bởi nhiều yếu tố như kinh tế, chính trị, tín ngưỡng, quan hệ dòng họ, gia đình và ý thức hệ của mỗi tộc người, cộng đồng trong sự vận động và phát triển. Trong mỗi xã hội, hôn nhân đã thiết lập nên những mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, dòng họ nhưng đồng thời nó cũng thiết lập nên các mối quan hệ về kinh tế, chính trị, văn hóa giữa các nhóm cộng đồng.

## **2. Hôn nhân xuyên biên giới: Nghiên cứu trường hợp vùng biên giới Việt Nam - Lào**

Kết quả khảo sát thực địa (tại 4 tỉnh

<sup>(7)</sup> Hastings Donnan & Thomas Wilson (1999), *Borders: frontiers of identity, nation and state*, Oxford: Berg.

<sup>(8)</sup> Hastings Donnan & Thomas Wilson (1999), *Borders: frontiers of identity, nation and state*, Oxford: Berg.

<sup>(9), (10)</sup> Williams Lucy (2010), *Global marriage: Cross-border marriage migration in Global context*, Basingstoke: Palgrave Macmillian.

<sup>(11)</sup> Caroline Grillot (2012), "Cross-border marriages between Vietnamese Women and Chinese men: The intergration of otherness and the impact of popular representations". In David Haines, Keiko Yamanaka & Shinji Yamashita (Eds.), *Wind over water: migration in an east Asian context* (pp. 125 - 137), New York: Berghahn Books.

Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng và Nghệ An, đại diện cho vùng biên giới Trung Quốc - Việt Nam và Việt Nam - Lào) cho thấy, vùng văn hóa tộc người nằm trùng lên vùng biên giới bao gồm cả hai bên đường biên giới. Địa bàn cư trú của các tộc người thiểu số vẫn thể hiện sự gắn bó, thân thiết trong mối quan hệ thân tộc, thích tộc, quan hệ cộng đồng của các tộc người ở hai bên đường biên. Do vậy, đây cũng là nguyên nhân quan trọng dẫn tới nhiều cuộc hôn nhân xuyên biên giới. Chính vì vậy, ở các địa bàn vùng biên giới, các trường hợp kết hôn xuyên biên giới nội tộc người và ngoại tộc người là khá phổ biến. Có thể khái quát lên một số dạng hôn nhân như sau:

- Hôn nhân nội tộc người: diễn ra ở các tộc người sống hai bên đường biên giới và có mối liên hệ mật thiết với nhau trong đời sống sinh hoạt và quan hệ thân tộc. Đối với khu vực đường biên giới Việt - Trung có khá nhiều nhóm tộc người có mối quan hệ hôn nhân nội tộc người xuyên biên giới như: nhóm dân tộc Tày, Nùng ở phía Việt Nam với các đồng tộc phía bên Trung Quốc là Choang; Dân tộc Dao, Mông và các dân tộc Hà Nhì, Lô Lô phía Việt Nam với đồng tộc phía Trung Quốc là người Yi; Đối với khu vực biên giới Việt - Lào có các dân tộc: Thái, Khơ mú, Mông (thuộc địa bàn các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An; Chứt, Bru - Vân Kiều, Giẻ Triêng... (thuộc địa bàn từ tỉnh Hà Tĩnh trở vào) cư trú khá tập trung ở cả hai bên biên giới và thường xuyên có những trao đổi, quan hệ thân tộc, thăm thân lẫn nhau. Với cùng một nền văn hóa gốc, có chung những phong tục tập quán, hoạt động sinh kế, lễ hội và có chung những đặc điểm trong nghi lễ hôn nhân gia đình. Với quan hệ đồng tộc gần gũi và thân thiết, các mối quan hệ hôn nhân và gia đình luôn nảy sinh và có những điều kiện rất thuận lợi cho thanh niên đến tuổi kết hôn có thể dễ dàng

lựa chọn vợ/chồng là người đồng tộc ở bên kia biên giới.

- Hôn nhân ngoại tộc người sống trong vùng biên giới: là những cuộc hôn nhân của các tộc người cư trú trong vùng biên giới với các tộc người khác cùng cộng cư. Một trong những đặc điểm nổi bật trong dân cư vùng biên giới là sự cư trú xen kẽ cài răng lược của nhiều tộc người cùng cộng cư trong quá trình lịch sử lâu dài. Do vậy, những ảnh hưởng, giao thoa văn hóa giữa các tộc người trong một địa phương, vùng văn hóa là tất yếu. Trong các mối quan hệ hôn nhân gia đình, nổi lên ở một số tộc người thường có các mối quan hệ truyền thống về hôn nhân như Tày, Nùng, Thái,... Một số tộc người trong truyền thống vốn rất ít có quan hệ hôn nhân gia đình với các tộc người khác (chủ yếu vẫn là nội hôn tộc người) như Mông, Dao, Hà Nhì, Lô Lô thì trong khoảng 10 năm trở lại đây đã xuất hiện ngày càng nhiều các trường hợp kết hôn với người khác tộc, nhất là giữa các dân tộc cư trú xen kẽ trong vùng. Hiện tượng kết hôn khác tộc người diễn ra ở vùng biên giới là kết quả của những hoạt động giao lưu văn hóa cộng đồng của các dân tộc trong vùng, đặc biệt là các hoạt động giao lưu kinh tế. Trong những năm gần đây cũng đã xuất hiện nhiều trường hợp các cô gái người dân tộc thiểu số ở Việt Nam hoặc là người Kinh kết hôn với người Hán ở phía Trung Quốc.

Xem xét thành phần dân tộc trong quan hệ hôn nhân ở vùng biên giới, kết quả khảo sát 1.078 hộ gia đình ở khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc và Việt Nam - Lào cho thấy, một số dân tộc vốn có truyền thống kết hôn nội tộc thì đến nay vẫn rất ít có kết hôn ngoại tộc như Mông, Dao. Tuy nhiên, ở vùng biên giới Lào chỉ có một số trường hợp người Mông kết hôn với người Thái. Ở vùng biên giới Việt - Trung, người

Mông chỉ kết hôn với người Kinh mà rất ít trường hợp kết hôn với các dân tộc thiểu số khác; các tộc người khác có xu hướng dễ chấp nhận hôn nhân ngoại tộc hơn như Tày,

Nùng, Thái,... Đặc biệt ở người Thái, Tày, Nùng, Sán Chay có xu hướng kết hôn nhiều hơn với người Kinh (xem Bảng 1).

Bảng 1: Thành phần dân tộc của người thứ nhất và mối quan hệ với người thứ 2 trong gia đình

Thành phần dân tộc người thứ 2			Thành phần dân tộc người thứ nhất							Tổng cộng	
			Kinh	Tày	Nùng	Thái	Mông	Dao	Sán Chay		Khác
Kinh	Quan hệ với người trả lời	Vợ/chồng	112	18	3	2			2	1	138
		Con đẻ	20	0	0	0			0	0	20
		Con dâu/rể	1	0	0	0			0	0	1
		Cháu	1	0	0	0			0	0	1
		Bố/mẹ	1	0	0	0			0	0	1
Tổng cộng			135	18	3	2		2	1	161	
Tày	Quan hệ với người trả lời	Vợ/chồng	5	220	40			2	3	1	271
		Con đẻ	0	34	0			0	0	0	34
		Con dâu/rể	0	4	0			0	0	0	4
		Cháu	0	2	2			0	0	0	4
		Tổng cộng			5	260	42		2	3	1
Nùng	Quan hệ với người trả lời	Vợ/chồng		32	198						230
		Con đẻ		4	51						55
		Con dâu/rể		0	2						2
		Cháu		0	2						2
		Bố/mẹ		0	4						4
		Tổng cộng				36	257				
Thái	Quan hệ với người trả lời	Vợ/chồng	4			152					156
		Con đẻ	0			7					7
		Cháu	0			1					1
		Tổng cộng			4			160			
Mông	Quan hệ với người trả lời	Vợ/chồng				1	92				93
		Con đẻ				0	5				5
		Tổng cộng						1	97		
Dao	Quan hệ với người trả lời	Vợ/chồng						20			20
		Con đẻ						2			2
		Tổng cộng							22		

Nguồn: Điều tra thực địa đề tài Hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội, 2014.

Qua kết quả khảo sát, hầu hết các cặp vợ chồng trong mẫu là kết hôn nội tộc người, một số ít tộc người có kết hôn ngoại tộc như Tày (với người Kinh, Nùng, Dao); Nùng (với người Kinh và Tày). Trong những năm gần đây, các dân tộc thiểu số kết hôn với người Kinh có xu hướng ngày càng nhiều hơn. Việc kết hôn giữa các dân tộc thiểu số chỉ xảy ra ở một số nhóm dân tộc như nhóm dân tộc theo ngôn ngữ Tày - Thái là phổ biến. Còn nhóm dân tộc theo ngôn ngữ Mông - Dao ít có xu hướng kết hôn ngoại tộc hơn.

Với các trường hợp kết hôn với người nước ngoài (Trung Quốc), hầu hết các cuộc hôn nhân diễn ra ở vùng biên giới đối với các dân tộc Mông, Dao, Sán Chay, Nùng

đều với người đồng tộc. Trong vài năm gần đây mới xuất hiện các trường hợp kết hôn với người Hán hoặc các tộc người khác ở Trung Quốc.

Do đặc điểm cư trú liền kề với đường biên giới, các dân tộc ở hai bên đường biên có chung một đặc điểm văn hóa, phong tục tập quán và thường xuyên có mối liên hệ qua lại với nhau, thăm thân từ nhiều đời nay. Do vậy, các tình huống gặp gỡ vợ/chồng của các cuộc hôn nhân xuyên biên giới chủ yếu là từ phong tục tập quán truyền thống của các tộc người và có mối quan hệ nội tộc hôn hoặc trong nội bộ của các nhóm tộc người có mức tương đồng cao về văn hóa (xem bảng 2).

Bảng 2: Tình huống gặp gỡ vợ/chồng của người trả lời chia theo dân tộc

Tình huống gặp vợ/chồng của chủ hộ	Thành phần dân tộc của chủ hộ								Tổng cộng
	Kinh	Tày	Nùng	Thái	Mông	Dao	Sán Chay	Khác	
Đi thăm/ giúp đỡ người thân	2	3	1	7	6	0	0	0	19
	1,4%	9%	3%	4,3%	6,2%	0,0%	0,0%	0,0%	1,8%
Đi chơi/ đi chợ	38	62	51	40	46	4	4	5	250
	25,9%	19,2%	16,8%	24,4%	47,4%	16,7%	50,0%	45,5%	23,2%
Đi buôn bán, làm thuê	25	41	88	12	9	1	1	2	179
	17,0%	12,7%	28,9%	7,3%	9,3%	4,2%	12,5%	18,2%	16,6%
Giao lưu văn hóa, lễ hội	4	4	5	1	4	0	0	0	18
	2,7%	1,2%	1,6%	0,6%	4,1%	0,0%	0,0%	0,0%	1,7%
Được giới thiệu, mai mối	21	126	85	12	11	18	0	0	273
	14,3%	39,0%	28,0%	7,3%	11,3%	75,0%	0,0%	0,0%	25,3%
Bị bắt cóc, lừa bán	3	12	14	3	1	0	0	0	33
	2,0%	3,7%	4,6%	1,8%	1,0%	0,0%	0,0%	0,0%	3,1%
Người cùng làng/bạn học	53	56	41	87	18	0	3	4	262
	36,1%	17,3%	13,5%	53,0%	18,6%	0,0%	37,5%	36,4%	24,3%
Khác	1	11	11	2	2	1	0	0	28
	0,7%	3,4%	3,6%	1,2%	2,1%	4,2%	0,0%	0,0%	2,6%
Không biết/ KTL	0	8	8	0	0	0	0	0	16
	0,0%	2,5%	2,6%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	1,5%
Tổng cộng	147	323	304	164	97	24	8	11	1078
	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%

Nguồn: Điều tra thực địa đề tài Hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội, 2014.

Kết quả khảo sát cho thấy, với các dân tộc Tày, Nùng, Dao tình hướng kết hôn của các cặp vợ chồng do mai mối là chủ yếu (25,3%, trong đó: Dao 75%; Tày 39%; Nùng 28%). Trong khi đó ở dân tộc Mông, Sán Chay tình hướng đi chợ, đi chơi gặp nhau dẫn tới kết hôn chiếm tỷ lệ cao (47,4%). Ngoài ra, một tỷ lệ khá lớn các cuộc hôn nhân xuất phát từ quan hệ là người cùng làng/bạn học (24,3%) và đi buôn bán, làm thuê (16,6%). Theo phong tục truyền thống của một số dân tộc như Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, tập quán sắp đặt của cha mẹ thông qua vai trò của những người làm mối là rất phổ biến. Kết quả khảo sát ở các dân tộc vùng biên giới phản ánh khá rõ đặc trưng văn hóa của từng tộc người. Với các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu, Sán Chay ở khu vực biên giới Việt - Trung, việc mai mối hay vai trò của ông mối, bà mối vẫn giữ vị trí quan trọng trong các cuộc hôn nhân. Các cuộc hôn nhân không chỉ nằm trong khu vực biên giới mà cả các cuộc hôn nhân xuyên biên giới cũng mang đậm màu sắc phong tục với vai trò dẫn dắt của ông mối, bà mối. Trong nhiều trường hợp, người làm mai mối có thể là những người đã kết hôn với người nước ngoài (Trung Quốc) từ nhiều năm trước, trong quá trình thăm thân về quê cũ, họ đã lựa chọn và là người mai mối trung gian cho các cuộc hôn nhân hiện tại. Trong mối quan hệ này, các cặp thanh niên kết hôn hoàn toàn tự nguyện và đồng ý với sự sắp đặt của gia đình và ông mối, bà mối. Đối với khu vực biên giới Việt - Lào trong trường hợp người Thái và người Mông thì tình hướng dẫn tới hôn nhân chủ yếu là

thông qua các hoạt động đi chơi chợ, thăm thân và quen biết thông qua người cùng thôn bản.

Khi được hỏi về nguyện vọng về người sẽ kết hôn, hầu hết các ý kiến khẳng định, họ muốn kết hôn với người đồng tộc hơn là kết hôn với người khác tộc. Thậm chí người đồng tộc có thể ở bên kia biên giới vẫn là lựa chọn ưu tiên 79,9%, trong khi lựa chọn đối với người khác tộc chỉ là 17%.

### **3. Hôn nhân xuyên biên giới trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay**

Trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay, bên cạnh những yếu tố truyền thống, hôn nhân đang có rất nhiều vấn đề mới chịu tác động của nhiều yếu tố của xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập. Các khuôn mẫu văn hóa và mối quan hệ xã hội trong hôn nhân đang có những biến đổi do tác động của toàn cầu hóa và hội nhập văn hóa. Tuy không làm thay đổi hoàn toàn những đặc điểm của hôn nhân truyền thống nhưng đã và đang có những tác động nhất định tới các vấn đề về kinh tế, chính trị, xã hội. Đặc biệt, đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, những biến đổi trong hôn nhân lại chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các yếu tố văn hóa tộc người và tín ngưỡng truyền thống. Quá trình biến đổi của hôn nhân trong xu thế hội nhập đang bị tác động mạnh mẽ bởi những vấn đề xã hội và đang trở nên phức tạp, nhất là ở khu vực biên giới đất liền, nơi mà một bộ phận người dân có mối quan hệ chặt chẽ với một số dân tộc, nhất là với đồng tộc ở bên kia biên giới.

Tình hướng dẫn tới các cuộc hôn nhân ở vùng biên giới đang có nhiều biến đổi. Bên cạnh các hình thức giới thiệu hôn nhân theo

cách truyền thống, nhiều hoạt động kinh tế - xã hội trong thời kỳ hội nhập và mở cửa cũng đã ảnh hưởng khá mạnh mẽ tới các cuộc hôn nhân xuyên biên giới. Các hoạt động như đi làm thuê, buôn bán, đi chơi chợ,... cũng là những bối cảnh dẫn tới các cuộc hôn nhân xuyên biên giới. Một bộ phận thanh niên ở các xã biên giới đi làm thuê, đi buôn bán đã làm quen và dẫn tới các cuộc hôn nhân (có thể là đồng tộc hoặc khác tộc) với người nước ngoài. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, lợi dụng nhu cầu của một bộ phận nam giới ở nước ngoài có nhu cầu kết hôn, kẻ xấu đã thực hiện nhiều hành vi cưỡng ép, lừa bán các cô gái sang làm vợ. Trường hợp này không chỉ xảy ra đối với phụ nữ và trẻ em gái ở vùng biên giới, nhất là khu vực biên giới Việt - Trung mà còn có xu hướng diễn ra khá phổ biến ở khu vực miền núi phía Bắc và thậm chí còn lan sâu hơn vào các tỉnh trong nội địa, Trung Bộ và Nam Bộ.

Tình trạng kết hôn với người đồng tộc ở bên kia biên giới vốn đã xảy ra trong lịch sử nhưng lại trở nên phức tạp trong xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập. Các cuộc kết hôn từ kết quả của các mối quan hệ qua lại, làm ăn, buôn bán, quan hệ gia đình, họ hàng mật thiết giữa các cộng đồng tộc người cư trú hai bên đường biên giới với nhau. Với quan niệm cho rằng, việc lấy vợ, lấy chồng là người đồng tộc bên kia biên giới đã có từ xa xưa và kết hôn với nhau không đăng ký kết hôn, chủ yếu sống theo phong tục tập quán của dân tộc (chỉ cần có sự có mặt nhất trí và chứng kiến của gia đình những người có uy tín trong cộng đồng). Nhiều cặp vợ chồng chưa nhận thức hết tầm quan trọng của việc đăng ký không trình báo các cơ

quan chính quyền xem xét, quyết định. Bên cạnh đó, đa phần họ là người dân tộc thiểu số nên trình độ nhận thức còn hạn chế, mà thủ tục kết hôn có yếu tố nước ngoài ở nước ta còn phức tạp cần nhiều giấy tờ chứng nhận nên dẫn đến tâm lý “ngại” đăng ký. Tình trạng này đã dẫn tới nhiều khó khăn phức tạp trong việc giải quyết chính sách, chế độ đối với các hộ người dân tộc thiểu số vùng biên giới, nhất là trong các chính sách hỗ trợ xóa đói giảm nghèo, phát triển giáo dục, y tế ở các địa phương vùng biên giới. Do đó, hầu hết các cuộc hôn nhân “xuyên biên giới” không đăng ký với chính quyền địa phương diễn ra khá phổ biến, nhất là vùng biên giới Việt Nam - Lào và Việt Nam - Trung Quốc. Các trường hợp này đều có con và tài sản chung với nhau nhưng không ràng buộc nhau bởi bất cứ thủ tục pháp lý của nước nào. Tình trạng này đã dẫn đến những khó khăn, rất khó kiểm soát về quản lý xã hội ở các địa phương vùng biên giới. Bên cạnh những cuộc hôn nhân tự nguyện do điều kiện lịch sử, văn hóa của các dân tộc để lại, trong những năm gần đây, một số đối tượng tội phạm đã lợi dụng các cuộc hôn nhân xuyên biên giới để buôn bán phụ nữ và trẻ em gái. Do đặc điểm cư trú ở hai vùng biên giới là có khá nhiều đồng tộc của các dân tộc cư trú sát vùng biên, bọn tội phạm đã lợi dụng những phong tục tập quán, văn hóa tộc người để đưa người ra nước ngoài với mục đích thu lợi nhuận bất hợp pháp.

Hôn nhân xuyên biên giới mang những đặc điểm văn hóa tộc người đậm nét. Ranh giới văn hóa tộc người và ranh giới biên giới quốc gia có sự khác biệt, do vậy, các cuộc hôn nhân xuyên biên giới luôn diễn ra

từ trong lịch sử và hiện tại. Các nghiên cứu cũng đã chỉ ra mối liên hệ giữa văn hóa và hôn nhân xuyên biên giới, theo đó, văn hóa tộc người là nguyên nhân sâu xa dẫn tới các cuộc hôn nhân xuyên biên giới và đồng thời, hôn nhân xuyên biên giới cũng chịu nhiều ảnh hưởng, tác động của văn hóa.

Có thể thấy, hôn nhân xuyên biên giới ở các tỉnh miền núi nước ta hiện nay vẫn còn mang đậm dấu ấn văn hóa tộc người và luôn bị chi phối mạnh bởi những phong tục tập quán truyền thống. Các hình thức kết hôn nội tộc người và ngoại tộc người luôn diễn ra trong lịch sử và hiện tại. Trong bối cảnh hiện nay, hôn nhân xuyên biên giới đang bị tác động mạnh mẽ với xu thế hội nhập và toàn cầu hóa nhưng vẫn giữ được những nét riêng bản sắc tộc người. Bên cạnh đó, nhiều vấn đề xã hội cũng đang nảy sinh bởi các cuộc kết hôn xuyên biên giới như việc quản lý hôn nhân, vấn đề hỗ trợ pháp lý; vấn đề tội phạm cưỡng ép, lừa bán người có mục đích hôn nhân xuyên biên giới,...

### Tài liệu tham khảo

1. Danièle Bélanger (2011), “Hôn nhân với phụ nữ ngoại quốc ở Đông Á: buôn bán hôn nhân hay di cư tự nguyện? ”. In trong kỷ yếu hội thảo: *Di cư của phụ nữ Việt Nam sang các nước Đông Á để kết hôn: hướng tới cái nhìn đa chiều*, Nxb Lao động, Hà Nội, tr. 8 - 13.
2. Danièle Bélanger, Trần Giang Linh, Lê Bạch Dương (2011), “Tiền gửi về nhà của phụ nữ Việt Nam di cư sang các nước Châu Á để kết hôn”. In trong kỷ yếu hội thảo: *Di cư của phụ nữ Việt Nam sang các nước Đông Á để kết hôn: hướng tới cái nhìn đa chiều*, Nxb Lao động, Hà Nội.
3. Danièle Bélanger, Trần Giang Linh (2011),

“Ảnh hưởng của hiện tượng di cư quốc tế vì hôn nhân đối với vấn đề giới và hôn nhân ở những cộng đồng có người di cư ở Việt”, in trong kỷ yếu hội thảo: *Di cư của phụ nữ Việt Nam sang các nước Đông Á để kết hôn: hướng tới cái nhìn đa chiều*, Nxb Lao động, Hà Nội, tr.67 - 83.

4. Le Bach Duong, Daniele Belanger & Khuat Thu Hong (2005), *Transnational migration, marriage and trafficking at the China - Vietnam border*, Paper presented at the the Ceped-Cicred-Ined conference “Female deficit in Asia: trends and perspectives”. Hastings Donnan, & Thomas Wilson (1999), *Borders: frontiers of identity, nation and state*. Oxford: Berg.

5. Hong-zen Wang & Shu - ming Chang (2002), The Commodification of International Marriages: Cross-Border Marriage Business in Taiwan and Viet Nam, *International Migration*, 40, 93 - 116.

6. C. Julia Huang và Kuang-ting Chuang (2010), “Tranh luận với quan niệm về hiện tượng xuyên quốc gia: một vài nhận xét ban đầu về những nữ di dân Việt Nam lấy chồng ở Đài Loan và miền Nam Việt Nam”, in trong: *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*, Nxb Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh, tr.521 - 534.

7. Lianling Su (2009), *Cross-border marriage migration of Vietnamese women to China*, Kansas State University.

8. Xoan Nguyen & Xuyen Tran (2010), Vietnamese - Taiwanese Marriages. In Wen - ShanYang & Melody Chia - Wen Lu (Eds.), *Asian Cross - border Marriage Migration: Demographic Patterns and Social Issues* (pp. 157 - 178): Amsterdam University Press.

9. Yu Hua Chen (2009), *The influence of cross-border marriage on reproductive behavior in Taiwan*. Paper presented at the XXVI IUSSP International Population Conference.

